

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-PT.

Ngày: 18/5/2020

V/v: “*Bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thọ;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng— Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLPT- DS ngày 20/02/2020 về việc: “*Bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2020/QĐ-PT ngày 20/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐ-PT ngày 08/5/2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1957, (có mặt).

Trú quán: Khu Trần Ph, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1959, (có mặt).

Trú quán: Khu Quang Tr, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1-Ông Giang Văn X, sinh năm 1969, (có đơn xin vắng mặt);

Trú quán: Khu Minh Kh, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958, vợ ông H, (vắng mặt);

Trú quán: Khu Trần Ph, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969, vợ ông X, (có đơn xin vắng mặt);

Trú quán: Khu Minh Kh, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1963, vợ ông Th, (vắng mặt);

Trú quán: Khu Quang Tr, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người làm chứng.

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971, (vắng mặt).

Trú quán: Thôn Mịn T, xã Trù H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Dương Văn H đã trình bày: Ngày 10/11/2017, ông X đã thuê thợ lái máy xúc để phá dỡ bờ tường gạch của hộ ông X nằm sát với vườn cây cảnh của ông. Do bức tường gạch bị đổ vào vườn cây cảnh nên đã gây thiệt hại 03 cây cảnh của ông. Trước đó, ngày 9/11/017, ông đã đến gặp vợ chồng ông X và thông báo với ông X là ngày 10/11/2017 vợ chồng ông đi Hà Nội nên không có nhà, nếu vợ chồng ông X có thuê máy xúc đến phá dỡ bờ tường gạch thì phải làm cẩn thận, nếu bức tường mà đổ vào cây cảnh của ông thì ông sẽ bắt đền. Khi đó bà Nguyễn Thị H1 là vợ ông X đã nói với ông là: Ông cứ yên tâm, lúc nào máy xúc đến phá dỡ tường thì ông X sẽ trực tiếp đến hiện trường để chỉ huy, nếu ảnh hưởng đến cây cảnh của ông thì vợ chồng bà H sẽ đền tiền cho ông.

Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 10/11/2017, khi ông đang trên đường từ Hà Nội về nhà thì ông X đã điện thoại cho ông, ông X đã thông báo cho ông biết là thợ máy xúc khi phá dỡ bờ tường của vợ chồng ông X đã làm đổ tường vào vườn cây cảnh và làm gãy 02 cây cảnh ở góc vườn của ông, ông X còn nói với ông là: “Có gì sáng mai anh em nói chuyện”.

Ngày 11/11/2017, ông đã mời đại diện của địa phương; vợ chồng ông X, bà H và ông Nguyễn Đức Th là chủ máy xúc đến nhà ông để xem hiện trường. Ông đã đề nghị ông X phải làm biên bản để xác định thiệt hại về cây cảnh của ông nhưng ông X đã ra về mà không bàn bạc gì về việc ông X sẽ bồi thường cây cảnh cho ông.

Quá trình thẩm định, 03 cây cảnh của ông đã bị thiệt hại cụ thể như sau: 01 cây cảnh mà ông đã mua ở Sao Đ- Hải Dương với giá là 110.000.000đồng đã bị gãy hoàn toàn, (bị thiệt hại 100%); 01 cây cảnh mà ông đã mua ở Bát Tr- Hà Nội

với giá là 195.000.000đồng đã bị gãy hoàn toàn (bị thiệt hại 100%); 01 cây cảnh mà ông đã mua ở Bát Tr- Hà Nội với giá là 130.000.000 đồng đã bị gãy cành (thiệt hại khoảng 20%).

Như vậy, vợ chồng ông đã bị tổng thiệt hại về 3 cây cảnh là 331.000.000đồng.

Tại đơn khởi kiện, ông đã đề nghị ông X phải bồi thường cho ông H số tiền là 200.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông đã đề nghị cả ông X và ông Th phải bồi thường cho ông số tiền của 03 cây cảnh đã bị thiệt hại theo giá trị mà Hội đồng định giá đã xác định.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Th đã trình bày: Ông là chủ máy xúc. Khoảng cuối năm 2017, ông Giang Văn X có điện thoại cho ông có nội dung: Ông X muốn thuê ông phá dỡ tường vảnh lao mà bà Nguyễn Thị Đ đã xây dựng trong thời gian bà Đ đã thuê nhà của ông X. Ông đã đề nghị ông X liên hệ trực tiếp với anh H2 là thợ lái máy xúc của ông. Giữa ông và ông X không thỏa thuận với nhau về giá tiền công và khối lượng công việc. Khi anh H2 lái máy xúc của ông để phá dỡ bức tường cho ông X thì ông không biết. Nay, ông mới biết là khi lái máy xúc của ông, anh H2 đã làm đổ tường làm thiệt hại 03 cây cảnh của ông H. Nay anh H2 không còn làm thuê cho ông nữa. Ông cũng không rõ tên đầy đủ của anh H2 và địa chỉ của anh H2 ở đâu. Anh H2 chỉ là người làm thuê cho ông trong thời gian ngắn. Giữa ông và anh H2 không ký kết Hợp đồng lao động. Khi anh H2 lái máy xúc cho ông thì anh H2 đang học nghề và anh H2 không có chứng chỉ lái máy xúc. Hiện nay ông cũng không liên lạc được với anh H2. Nay, ông không có liên quan gì đến việc anh H2 đã làm thiệt hại tới 3 cây cảnh của ông H, ông không đồng ý bồi thường cho ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

Ông Giang Văn X, trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị H1, vợ chồng ông có diện tích 80m² đất ở khu Trần Ph, thị trấn Ch, huyện L giáp với đất ở của hộ ông Th. Do vợ chồng ông không có nhu cầu sử dụng đất nên đã cho cho bà Hoàng Thị Dương thuê từ tháng 8/2009 đến tháng 8/2017. Trong thời gian thuê đất bà Đ đã tự xây dựng nhà tạm để ở. Khi bà Đ trả lại đất, vợ chồng ông đã yêu cầu bà Đ phải phá dỡ nhà tạm để trả lại mặt bằng như trước khi bà Đ thuê đất. Bà Đ có nhờ ông gọi thợ máy xúc để phá dỡ tường nhà hộ bà Đ. Ông đã yêu cầu ông Th là chủ máy xúc đến để phá dỡ tường nhà theo yêu cầu của bà Đ. Khi tiến hành phá dỡ tường nhà của ông X, thợ lái máy xúc của ông Th đã làm văng một số mảnh gạch vỡ sang vườn cây cảnh của ông H nằm sát bức tường gạch làm hư hại đến cây cảnh

của ông H. Trước đó ông H cũng đã đến gặp ông và yêu cầu ông phá dỡ bức tường cẩn thận để không gây ảnh hưởng đến vườn cây cảnh của ông H. Ông đã gọi điện thoại yêu cầu ông Th phá dỡ bức tường, nhưng ông không thỏa thuận với ông Th về việc ông Th khi sử dụng máy xúc thì phải đảm bảo an toàn. Do người thợ của ông Th khi sử dụng máy xúc để phá bức tường đã không cẩn thận nên đã làm đổ bức tường vào vườn cây cảnh của ông H, gây hư hại 03 cây Sanh của ông H. Ông cũng không biết tên và địa chỉ cụ thể của người thợ này. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu ông phải bồi thường thiệt hại 03 cây cảnh cho ông H thì ông không đồng ý, ông không có lỗi gây thiệt hại 03 cây cảnh của ông H.

Bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà là vợ ông Giang Văn X. Bà đồng ý với ý kiến của ông X. Ông X đã gọi chủ máy xúc là ông Nguyễn Đức Th yêu cầu ông Th phá dỡ bức tường nhà của bà Đ (là người thuê đất của vợ chồng bà) theo yêu cầu của bà Đ. Bà Đ có trách nhiệm thanh toán tiền công cho thợ máy xúc. Ngày 10/11/2017, ông Th đã cho thợ lái máy xúc tiến hành phá dỡ ngôi nhà cấp 4 của bà Đ, tường nhà đã đổ vào vườn cây cảnh và đã gây hư hại 03 cây cảnh của ông H. Bà xác định vợ chồng bà không liên quan đến việc thiệt hại 03 cây cảnh này. Nhưng do vợ chồng bà là chủ đất bà cũng đồng ý cùng ông Nguyễn Đức Th và bà Hoàng Thị Dương bồi thường tiền cho ông H. Bà sẽ đồng bồi thường 15.000.000 đồng cho ông H.

Bà Nguyễn Thị Nguyên, trình bày. Bà là vợ ông Nguyễn Đức Th, bà đồng ý với ý kiến của ông Th đã trình bày.

Người làm chứng.

Bà Nguyễn Thị Đ, trình bày: Năm 2009, bà đã thuê đất của vợ chồng ông Giang Văn X, bà Nguyễn Thị H1 tại khu Trần Ph, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian bà thuê đất, bà đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 để kinh doanh. Đến tháng 8/2017 thì bà đã trả đất cho vợ chồng ông X. Khi bà trả đất cho vợ chồng ông X thì 2 bên không thanh lý Hợp đồng thuê đất và không có biên bản bàn giao đất. Bà đã phá dỡ phần mái nhà phía trên, phần tường nhà vẫn còn. Việc ông X đã thuê máy xúc đến phá dỡ tường nhà thì bà không biết. Bà không nhờ ông X gọi chủ máy xúc để phá dỡ tường nhà như ông X đã khai.

Tại Biên bản thẩm định ngày 9/11/2018, Hội đồng định giá đã xác định 03 cây cảnh của vợ chồng ông H đã bị thiệt hại cụ thể như sau:.

Cây số 01: Tên cây, cây sanh Nam Điện; dáng cây song thụ; tuổi cây đạt tiêu chuẩn cây già (cổ kỳ); cây được trồng trên 01 bệ cổ đưng nước, xây bằng gạch xi măng. Hội đồng định giá xác định cây đã bị thiệt hại khoảng 15% đến 17%.

Cây số 02: Tên cây: Cây sanh Nam Điền; dáng cây không xác định được vì đã bị thiệt hại 100%; tuổi cây đạt tiêu chuẩn già (cổ kỳ); bệ cây (gốc cây), đạt tiêu chuẩn cổ kỳ; cây được trồng trên 01 chậu xi măng kích thước 0,9 x 1,2m. Hội đồng định giá xác định cây đã bị thiệt hại 100%.

Cây số 03: Tên cây: Cây sanh Nam Điền; dáng, thế cây không xác định được vì cây đã bị thiệt hại toàn bộ; tuổi cây đạt tiêu chuẩn cây già (cổ kỳ); cây được trồng trên 01 chậu xi măng có hoa văn. Hội đồng định giá xác định cây bị thiệt hại 100%

Tại biên bản định giá xác định: Cây số 01 giá trị thiệt hại 10.000.000đồng; Cây số 02 giá trị thiệt hại 60.000.000đồng; Cây số 03 giá trị thiệt hại 30.000.000đồng. Tổng giá trị thiệt hại của cả 03 cây là 100.000.000đồng.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 600; Điều 601 Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; khoản 2 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H.

Buộc ông Nguyễn Đức Th phải bồi thường cho ông Dương Văn H số tiền là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Nguyên, có trách nhiệm liên đới bồi thường cùng với ông Th.

Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá: Ông H xin chịu cả số tiền là 1.200.000 đồng. Xác nhận ông H đã nộp đủ.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đồng (năm triệu đồng). Hoàn trả ông Dương Văn H số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000đồng (năm triệu đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005043 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, lỗi suất chậm trả, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/12/2019, ông Nguyễn Đức Th và bà Nguyễn Thị Nguyên nộp kháng cáo;

Ngày 12/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện

L, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vì lý do bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 06/01/2020, bà Nguyễn xin rút đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, Nguyễn đơn là ông Dương Văn Hấn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Nguyễn Đức Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Đức Th trình bày: Người lái máy xúc của ông tên là Huệ đã có bằng lái máy xúc và thời gian trước đã xin thực tập lái máy xúc của ông. Hiện nay ông không biết anh H2 đang ở đâu. Ông không liên quan việc anh H2 lái máy xúc làm gây thiệt hại đến 03 cây cảnh của ông H. Ông không đồng ý bồi thường cho ông H.

Ông Dương Văn H trình bày: Tại đơn khởi kiện, ông H đề nghị ông X phải bồi thường cho ông H số tiền là 200.000.000đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H đề nghị cả ông X và ông Th phải bồi thường cho ông số tiền của 03 cây cảnh đã bị thiệt hại theo giá trị mà Hội đồng định giá đã xác định. Nay, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang không rút kháng nghị và phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện L, tỉnh Bắc Giang; chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức Th: Hủy bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Giang Văn X Xuân có thửa đất có diện tích 80m² tại khu Trần Phú, thị trấn Chũ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Phần đất này trước đây, ông X đã cho bà Nguyễn Thị Đ thuê, bà Đ đã xây dựng trên phần đất này 01 ngôi nhà cấp 4. Hết hạn hợp đồng thuê nhà, bà Đ đã phá dỡ phần mái nhà còn phần tường nhà vẫn còn. Để giải phóng mặt bằng ông X đã diện thoại cho ông Nguyễn Đức Th là người chủ máy xúc, yêu cầu ông Th dùng máy xúc để phá dỡ tường nhà. Ông Th đã giao cho thợ lái máy xúc (người làm công của ông Th) thực hiện công việc mà ông X đã yêu cầu. Ngày 10/11/2017, được sự đồng ý của ông Th, thợ lái máy xúc của ông Th đã

dùng máy xúc của ông Th thực hiện công việc phá dỡ tường nhà trên thửa đất của vợ chồng ông X, bà Nguyễn Thị H1. Trong quá trình vận hành máy xúc, người thợ lái máy xúc đã làm đổ bức tường nhà trên đất của ông X vào vườn cây cảnh của ông Dương Văn H (nằm liền kề với đất của vợ chồng ông X) và đã gây thiệt hại 03 cây Sanh (cây cảnh nghệ thuật) của ông H. Tại biên bản định giá của Hội đồng định giá đã xác định 03 cây cảnh đã bị thiệt hại cụ thể như sau: Cây số 01 giá trị thiệt hại 10.000.000đồng; Cây số 02 giá trị thiệt hại 60.000.000đồng; Cây số 03 giá trị thiệt hại 30.000.000đồng. Tổng giá trị thiệt hại của cả 03 cây cảnh là 100.000.000đồng.

Tại đơn khởi kiện ông Dương Văn H khởi kiện yêu cầu ông Giang Văn X. Trước khi xét xử vụ án (ngày 27/11/2019) thì ông X được xác định là bị đơn; ông Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H lại yêu cầu cả ông X, ông Th phải bồi thường thiệt hại cho ông H.

Khi xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thay đổi tư cách tham gia tố tụng của ông X và ông Th. Ông Th từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trở thành bị đơn; ông X từ bị đơn trở thành là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bản án sơ thẩm đã buộc ông Th phải bồi thường thiệt hại cho ông H số tiền 100.000.000 đồng.

Sau khi xét xử ông Th, bà Nguyễn đã kháng cáo không đồng ý bồi thường cho ông H. Sau đó bà Nguyễn đã có đơn xin rút kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vì lý do bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức Th và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng những thủ tục tố tụng như sau:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã thay đổi tư cách tham gia tố tụng của ông X và ông Th trong vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là không đúng quy định của Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án không nhận định gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ông H có yêu cầu ông X bồi thường thiệt hại về 03 cây cảnh của ông H là có căn cứ hay không có căn cứ, từ đó có thể chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của ông H? Bản án sơ thẩm đã tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng bản án lại chỉ buộc một mình ông Th phải bồi thường cho ông X. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trách nhiệm bồi thường thiệt hại thuộc về cá nhân ông Th là mâu thuẫn với nội dung: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H”.

Bà Nguyễn Thị Vui là vợ ông H được tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bản án lại không trích dẫn lời khai của bà Vui là không đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 17/10/2018, cán bộ Tòa án lập Biên bản về việc lấy lời khai ông Th tại nhà ông Th; ngày 9/11/2018, cán bộ Tòa án lập biên bản lấy lời khai bà Đ tại nhà bà Đ và lấy lời khai bà Nguyễn tại nhà bà Nguyễn. Việc lấy lời khai của các đương sự nêu trên đều là ngoài trụ sở Tòa án (BL 32, 31, 30), nhưng các Biên bản của Tòa án lại không có xác nhận của người làm chứng hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã hay xác nhận của Công an xã nơi lấy lời khai của các đương sự là không đúng quy định tại khoản 2, Điều 98; khoản 2, Điều 99 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm thì thấy:

Theo Điều 2 Luật người cao tuổi thì những người trên 60 tuổi được coi là người cao tuổi.

Ngày 14/8/2016, ông H đã nộp đơn khởi kiện và bản sao Chứng minh thư của ông H cho Tòa án. Theo Chứng minh thư của ông H thì ông H sinh ngày 01/5/1957. Ngày 28/11/2019, Tòa án thụ lý vụ án. Khi ông H nộp đơn khởi kiện và khi Tòa án thụ lý vụ án thì ông H đã trên 60 tuổi được coi là người cao tuổi; Theo Chứng minh nhân dân của ông Th thì ông Th sinh ngày 20/5/1959. Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, (ngày 28/11/2019) thì ông Th đã trên 60 tuổi được coi là người cao tuổi;

Theo hướng dẫn tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không hướng dẫn ông H và ông Th nộp đơn đề nghị xin miễn tạm ứng án phí và án phí để Tòa án xem xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho ông H và miễn án phí cho ông Th. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông H phải nộp tiền tạm ứng án phí (BL13, 15) và buộc ông Th phải chịu 5.000.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm trong Quyết định của bản án là không đúng các hướng dẫn đã nêu ở trên.

Tòa án đã giải quyết buộc ông Th phải bồi thường cho ông H 100.000.000đ. Nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm lại không tuyên: “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (,đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”. Việc bản án sơ thẩm không tuyên về lãi suất chậm thi hành án là không đúng hướng dẫn tại điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, gây thiệt hại cho đương sự được thi hành án.

Phần quyết định của bản án sơ thẩm cũng không tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án là không đúng quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn nhầm lẫn về năm thụ lý vụ án: Vụ án có số thụ lý 54/2018/TLST-DS và ngày thụ lý là 4/9/2018 nhưng tại trang 01 của bản án lại ghi: Vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-VA ngày 04/9/2019.

Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần chấp nhận kháng cáo của ông Th và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, hủy bản án sơ thẩm đã xử, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3, Điều 308 BLTTDS: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức Th, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang:

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L về việc Tranh chấp về “Bồi thường thiệt hại về tài sản” giữa nguyên đơn là ông Dương Văn H với bị đơn là ông Nguyễn Đức Th và một số Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Các đương sự chưa phải nộp án phí DSST và DSPT.

Hoàn trả ông Nguyễn Đức Th 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001051 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Nguyên 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001050 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền